

Phân xưởng Luyện kim màu I chỉ bố trí lực lượng bảo vệ làm nhiệm vụ trông coi bảo vệ tài sản;

c) Tại công ty con (Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn)

Thực hiện định biên lao động, sắp xếp lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất tại các phân xưởng, theo hướng giảm lao động quản lý và phụ trợ, tăng lao động công nghệ. Tháng 3/2015 thành lập phòng Tổ chức hành chính trên cơ sở sáp nhập 2 phòng Bảo vệ và phòng Tổ chức; Tháng 3/2017 cơ cấu lại các phân xưởng sản xuất, theo đó giải thể Phân xưởng Cơ Điện và thành lập tổ Khuỗi Khem thuộc phân xưởng Lũng Cháy, trên cơ sở không tăng lao động.

1.2. Về quản trị doanh nghiệp

1.2.1. Công tác đầu tư xây dựng và phát triển tài nguyên

- Giai đoạn 2014-2017 Công ty đã không ngừng hoàn thiện trong công tác quản lý đầu tư xây dựng sau khi Công ty chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang Công ty cổ phần. Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý Đầu tư Xây dựng, lập kế hoạch đầu tư hàng năm trình HĐQT phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện. Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm bình quân đạt trên 40 tỷ đồng;

- Đã triển khai một số dự án trọng điểm: Dự án Cúc Đường hoàn thành xong các gói thầu thuộc giai đoạn I; dự án đầu tư khai tuyển mỏ thiếc gốc tây nam Núi Pháo đã được cấp phép khai thác hiện đang chuẩn bị công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Các công trình đầu tư duy trì SX thực hiện theo đúng kế hoạch. Hiện đang thực hiện đầu tư công trình đóng bao tại PX LKMII và công trình quan trắc khí tự động tại Nhà máy Kẽm.

1.2.2. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

a) Công tác An toàn Môi trường

Công ty đặt ra mục tiêu sản xuất phải đảm bảo an toàn, do vậy vấn đề an toàn và môi trường rất được Ban điều hành Công ty quan tâm chỉ đạo sát sao, đồng thời cũng thường xuyên tuyên truyền để người lao động thay đổi về nhận thức môi trường trong lao động. Kết quả Công ty đã triển khai một số công trình như: đầu tư công trình xử lý khí khói tại Nhà máy kẽm, cải tạo hệ thống thu nước mặt đầu nối hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp Sông Công; xây dựng các công trình BVMT tại cửa lò và củng cố đập hồ thải tại các đơn vị khai thác mỏ.

b) Công tác mỏ-tuyển

- Rà soát, triển khai toàn diện công tác quản lý kỹ thuật mỏ - địa chất gắn với thực hiện Thông tư 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản trị tài nguyên. Tăng cường kiểm soát các mặt quản lý đảm bảo không vi phạm các quy định về hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước;

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài nguyên, thực hiện khai thác theo đúng biện pháp kỹ thuật nhằm làm giảm tỷ lệ làm nghèo và tỷ lệ tổn thất nâng cao tỷ lệ thu hồi tài nguyên khoáng sản;

- Nâng cao hiệu quả khâu khai thác mỏ bằng các giải pháp tổng thể như đánh giá hiệu suất từng khâu công nghệ như khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải, thải đất đá.

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa từng khâu công nghệ. Nâng cao hơn nữa các chỉ tiêu công nghệ như quy mô bãi nổ mìn, kiểm soát sử dụng chỉ tiêu và loại thuốc nổ, nâng cao hệ số sử dụng mét khoan, tăng tỷ lệ huy động thiết bị mỏ...;

- Cứng hóa đường vận chuyển cố định để nâng cao năng lực thông qua của đường vận tải và an toàn; tối ưu hóa cung độ, độ dốc vận tải để giảm khối lượng, chi phí vận chuyển; điều hành phương hướng công trường khai thác tối ưu đảm bảo diện khai thác, vận tải, chất lượng quặng nguyên khai đem tuyển.

c) Công tác luyện kim

- Rà soát công tác quản lý kỹ thuật luyện kim, hệ thống qui trình thao tác công nghệ trong các dây chuyền của toàn Công ty, thay đổi và bổ sung những qui trình còn thiếu hoặc không phù hợp với thực tế sản xuất;

- Cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp xuống nơi sản xuất, quản lý chặt chẽ nguyên nhiên vật liệu đầu vào, giám sát qui trình thao tác công nghệ và sản phẩm đầu ra;

- Triển khai thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa từng khâu công nghệ. Áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa trong sản xuất, đầu tư cải tiến thiết bị tiên tiến. Kết quả đã nâng cao các chỉ tiêu công nghệ, sản lượng vượt thiết kế, nâng cao chỉ tiêu thực thu kim loại, như thực thu lưu huỳnh năm 2017 là 88,5/85 % KH, kẽm kim loại đạt 91/90,6% KH. Hạ được giá thành sản xuất và đảm bảo được các chỉ tiêu về môi trường theo qui định, thực hiện tốt kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty.

d) Công tác cơ điện

- Duy trì sản xuất ổn định tại các đơn vị, một số dây chuyền còn vượt năng suất so với thiết kế như Nhà máy kẽm, xưởng tuyển Chợ Điền;

- Công tác gia công chế tạo, phục hồi trong sửa chữa thiết bị được tăng cường và đạt hiệu quả cao. Công tác SCL đã quản lý được định ngạch vào cấp đúng quy định, lập kế hoạch SCL có kiểm tra giám sát, lập sổ lý lịch theo dõi thiết bị. Kiểm soát chất lượng vật tư SCL đáp ứng được yêu cầu. Công tác gia công chế tạo, phục hồi trong SCTB được tăng cường và đạt hiệu quả.

1.2.3. Công tác quản trị

- Công tác tài chính thực hiện theo các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, Điều lệ công ty và Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành theo Quyết định số 3422/QĐ-TMC ngày 29/12/2017 của HĐQT Công ty. Công ty xây dựng kế hoạch và quản lý tài chính trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc, hướng dẫn quản lý tài chính theo phân cấp tại Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn. Thu xếp vốn cho các dự án ĐTXD được bảo đảm, cấp phát vốn SXKD cho các đơn vị kịp thời, năng lực tài chính của Công ty được nâng cao;

- Công tác khoán quản trị chi phí: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 3186/QĐ-TMC ngày 14 /12/2017 về việc ban hành Quy chế khoán quản trị chi phí trong Công ty; Trên cơ sở đó Công ty ban hành hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá theo công đoạn sản xuất đối với các sản phẩm khoáng sản chính, ban hành danh mục vật tư, phụ tùng chủ yếu, có giá trị lớn để thực hiện

mua sắm tập trung, trên cơ sở Công ty triển khai cơ chế khoán quản trị chi phí đến tất cả các đơn vị chi nhánh, phân xưởng trực thuộc giao giá đến tận tổ đội sản xuất;

- Công tác quản lý vật tư: Việc mua sắm vật tư đều được thực hiện công khai, minh bạch bằng các hình thức chào giá cạnh tranh và thực hiện theo Quyết định số 3184/QĐ-TMC ngày 14/12/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư. Bên cạnh đó Công ty đã xây dựng và ban hành giá trần mua sắm vật tư; thực hiện mua sắm vật tư tập trung đối với những vật tư chính, tăng cường công tác gia công chế tạo phục hồi tái chế phụ tùng vật tư nhằm hạn chế mua mới. Kiểm soát chặt chẽ vật tư mua vào, sử dụng vật tư, lập kế hoạch vật tư, quản lý vật tư tồn kho thực hiện theo quy định không quá 6%.

1.2.4. Công tác lao động, tiền lương

a) Công tác lao động:

Hiện trạng sử dụng lao động của Công ty:

Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2014	Tỷ lệ (%)	Đến ngày 31/12/2015	Tỷ lệ (%)	Đến ngày 31/12/2016	Tỷ lệ (%)	Đến ngày 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
Tổng số	1.465	100	1.353	100	1.312	100	1.317	100
- LĐ Công nghệ	858	58,6	815	60,3	791	60,3	821	62,3
- LĐ Phụ trợ	223	15,2	163	12,0	154	11,7	176	13,4
- LĐ Phục vụ	203	13,8	185	13,7	176	13,4	135	10,3
-LĐ Quản lý	181	12,4	190	14,0	191	14,6	185	14,0

Biến động lao động trong Công ty từ năm 2014-2017: Có biến động giảm và biến động tăng, cuối kỳ biến động giảm 148 người, chủ yếu ở nhóm phụ trợ, phục vụ/tổng số lao động giảm, do đó nhóm quản lý vẫn giao động từ 13-14%.

b) Công tác tiền lương, thu nhập

TT	Đơn vị	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		TNBQ (trđ)	So sánh lương TT vùng (%)	TNBQ (trđ)	So sánh lương TT vùng (%)	TNBQ (trđ)	So sánh lương TT vùng (%)
1	Cơ quan	7,908	287,6	8,162	263,3	11,460	345,2
2	PX LK màu 1	5,480	199,3	5,074	163,7	8,745	263,4
3	PX LK màu 2	4,754	172,9	4,375	141,1	9,328	281,0
4	NM Kềm	6,316	263,2	6,565	243,2	9,253	278,7
5	BMC	6,772	315,0	6,583	274,3	9,667	374,7
6	Làng Hích	6,215	259,0	6,129	227,0	9,618	331,7
7	Đại Từ	3,217	134,0	3,860	143,0	4,064	140,2

- Ban hành Quy chế quản lý lao động tiền lương, xây dựng cơ chế trả lương khuyến khích người lao động trong đó ưu tiên lao động công nghệ, lao động khai thác hầm lò và lao động có tay nghề trình độ cao;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ phân phối tiền lương, đảm bảo toàn bộ nguồn lương, tiền lương được chi trả hết cho Người lao động.

1.2.5. Công tác cơ giới hóa, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật

- Công tác cơ giới hóa là một trong những mục tiêu quan trọng nhằm tăng năng suất, sản lượng, nâng cao mức độ an toàn, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động và tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả SXKD. Trong những năm qua, Công ty đã rất quan tâm đến công tác cơ giới hóa, đã thành lập Ban chỉ đạo, tổ chức triển khai rà soát xác định mục tiêu thực hiện. Kết quả bước đầu đã thực hiện được như sau:

+ Công tác mở tuyến: Xác định những khu khai thác có điều kiện thuận lợi để ứng dụng đưa tàu điện kéo goòng vào nâng cao năng lực vận tải (tại mỏ Chợ Điền); Cơ giới hóa trong khâu xúc bốc bằng máy cào vơ và vận tải bằng tàu điện cho mỏ thiếc Núi Pháo; đầu tư tời nâng 5 tấn tại các giếng đứng để nâng cao năng suất; thay thế thiết bị máy nén khí trực vít động cơ điện tại các gương khai thác để giảm tiếng ồn, nâng cao năng lực khoan nổ, đẩy nhanh tiến độ đào lò và tiến gương khai thác. Bổ sung sử dụng thiết bị tuyển Cell thay thế các máy tuyển truyền thống cho tuyển chì (tại Chợ Điền) và hệ thống tuyển nổi (tại Làng Hích khi có thêm sản phẩm từ mỏ Cúc Đường). Bổ sung thêm hệ thống lọc ép tinh quặng chì tại các xưởng tuyển nổi chì kẽm trong Công ty góp phần cải thiện điều kiện làm việc tại các xưởng tuyển;

+ Công tác luyện kim: Đầu tư máy vê viên nhằm tăng cường thêm cho công tác trộn liệu vào cấp lò; đầu tư hệ thống nồi hơi tầng sôi công suất 8 tấn/h thay thế cho hệ thống nồi hơi ghi xích 4 tấn/h sử dụng pa lăng xích điện thay thế cho pa lăng xích kéo, cải tạo hệ thống kênh dẫn của lò thiêu lớp sôi từ gạch sang làm mát bằng nước; cải tạo hệ thống bunke giảm lao động thủ công bốc xúc;

1.2.6. Hệ thống văn bản quản lý

Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, Công ty đã rà soát và hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý nội bộ theo các văn bản quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty. Đến nay Công ty đã xây dựng và ban hành 63 văn bản quản lý gồm 10 quy chế, 53 quy định quản lý phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

2. Những tồn tại và hạn chế

- Công tác ATMT: Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhận thức về ATMT của NLĐ còn chưa cao;

- Khai thác mỏ-tuyển khoáng: Hiện nay điều kiện sản xuất khó khăn, tài nguyên biến động cả về hàm lượng và trữ lượng, chất lượng sản phẩm không cao, tăng chi phí. Tiến độ cấp phép khai thác mỏ chậm nên dẫn đến tiến độ đầu tư công trình chậm;

- Công tác luyện kim: Công nghệ tại đơn vị luyện kim chưa ổn định, còn xảy ra các sự cố. Việc kiểm soát công nghệ, nguyên nhiên vật liệu đầu vào đôi khi chưa đạt yêu cầu làm ảnh hưởng đến SXKD, các qui trình qui định về công nghệ sản xuất luyện kim còn bị động trong việc bổ sung thay đổi phù hợp với thực tiễn sản xuất từng giai đoạn cụ thể;

- Công tác cơ điện: MMTB càng ngày càng xuống cấp, công tác kiểm tra, bảo dưỡng MMTB còn nhiều hạn chế, chất lượng và tiến độ sửa chữa các công trình còn hạn chế;

- Công tác đầu tư xây dựng: Một số dự án của Công ty triển khai chậm do bất cập trong việc tính thuế, phí; những thay đổi của pháp luật trong hoạt động khoáng sản. Dự án mở rộng Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên đã hoàn thành lập xong dự án nhưng không được ĐHCĐ thông qua để triển khai thực hiện.

3. Kết quả thực hiện đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động

3.1. Đổi mới cơ cấu lao động

- Thực hiện lộ trình tái cơ cấu lao động giai đoạn 2014-2017, lao động quản lý đã giảm từ 14,6% xuống còn 14,0%; lao động công nghệ tăng 58% lên 62,3%;

- Cán bộ quản lý kỹ thuật; lao động kỹ thuật của các ngành sản xuất chính của Công ty gồm: luyện kim, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện ... đã được đảm bảo, với cơ cấu ngành nghề hợp lý đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và phát triển lâu dài.

3.2. Chất lượng nguồn nhân lực

- Cán bộ quản lý: 100% cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tại cơ quan Công ty đều có trình độ tối thiểu tốt nghiệp Đại học. Có phẩm chất tốt về đạo đức, chính trị, có sức khỏe và tâm huyết gắn bó làm việc lâu dài với Công ty;

- Hàng năm Công ty cử các cán bộ đi học tập nâng cao trình độ tại Trường Quản trị kinh doanh của TKV và địa phương để cập nhật kiến thức, phục vụ cho công tác quản lý điều hành tại đơn vị;

- Trong thời gian từ năm 2014 đến nay, công ty đã tuyển dụng 153 lao động, trong đó đại học 12 người, 141 người là CNKT đã qua đào tạo. Những lao động này một số đã có kinh nghiệm công tác đối với những ngành nghề có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty hoặc những cán bộ trẻ có trình độ, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của Công ty chủ yếu liên quan đến đội ngũ chuyên môn khai thác, địa chất, tuyển khoáng, kế hoạch giá thành...;

- Công nhân kỹ thuật: Đội ngũ CNKT thường xuyên được đào tạo giữ bậc, nâng bậc tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước và các trường đào tạo của TKV. Một số lao động là CNKT tuyển khoáng, luyện kim đã được cử đi tham quan, học tập tay nghề tại Trung Quốc. Công ty vẫn đảm bảo đủ số lượng và chất lượng đội ngũ công nhân lành nghề trong khai thác, chế biến khoáng sản, luyện kim và chế tác kim loại cho yêu cầu sản xuất và dự nguồn lao động cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

3.3. Năng suất lao động

Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động thành CTCP, Ban điều hành Công ty đã quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tái cơ cấu lao động, áp dụng khoa học kỹ thuật ..., nên năng suất lao động theo sản lượng tiêu thụ quy đổi của Công ty tăng trung bình xấp xỉ 10%/năm, cụ thể:

- Tiền lương bình quân: năm 2014 đạt 5,62 triệu /người /tháng; năm 2015 đạt 6,28 triệu /người /tháng; năm 2016 đạt 7,80 triệu /người /tháng; năm 2017 đạt 8,46 triệu/người/tháng;

- Năng suất LĐ theo sản lượng tiêu thụ quy đổi: năm 2014 đạt 7,28 tấn/người/năm; năm 2015 đạt 8,75 tấn /người /năm; năm 2016 đạt 9,38 tấn /người /năm; năm 2017 đạt 9,94 tấn /người /năm;

CHƯƠNG II

ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO GIAI ĐOẠN 2018-2020

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU

1. Để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường, Công ty cần phải có bước chuyển mình, phân tích và hợp lý hóa, cơ cấu lại tổ chức, các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư cho phù hợp với mục tiêu chiến lược của Công ty. Nếu không tái cơ cấu Công ty sẽ có nguy cơ bị tụt hậu so với sự phát triển của nền kinh tế trong nước, thế giới.

2. Tái cơ cấu sẽ tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý của Công ty, từng bước cải thiện tình hình tài chính và kinh doanh của Công ty theo chiều hướng tốt lên.

3. Giúp Công ty phát triển ổn định, bền vững. Đời sống thu nhập của người lao động đảm bảo ổn định cuộc sống.

II. NGUYÊN TẮC TÁI CƠ CẤU

- Tái cơ cấu đảm bảo mô hình tổ chức quản lý của Công ty phù hợp quy định của pháp luật;

- Tinh giản bộ máy quản lý, điều hành, tập trung không qua nhiều cấp trung gian, tăng cường quản lý điều hành trực tiếp từ Công ty đến đơn vị sản xuất;

- Việc tái cơ cấu, sắp xếp lại các chi nhánh, công ty con phù hợp với mô hình tăng trưởng kinh tế, phạm vi và quy mô kinh doanh của Công ty trong các năm tới vì mục tiêu phát triển bền vững;

- Tập trung nguồn vốn để đẩy mạnh phát triển các dự án trọng điểm của Công ty trong những năm tiếp theo đồng thời tăng cường cơ giới hóa trong lao động sản xuất, giảm lao động thủ công, chuyên môn hóa ngành nghề, phát triển ổn định công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trên thị trường;

- Đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.

III. MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực lãnh đạo; đoàn kết, đổi mới, chủ động, sáng tạo, huy động mọi nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;

- Xây dựng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO thành nhà sản xuất kềm, chì số 1 Việt Nam, đạt các tiêu chí: An toàn, hiện đại, ít người, năng suất cao, sạch, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa

phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, đảm bảo lợi ích của người lao động và của các Cổ đông.

2. Mục tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu chủ yếu phấn đấu đến năm 2020 đạt:

- Kẽm thô: 15.000 tấn/năm;
- A xít sunfuaric: 15.000 tấn/năm;
- Tinh quặng chì ~50%Pb: 3.500 tấn/năm;
- Tinh quặng chì ~20%Pb: 4.000 tấn/năm;
- Thiếc 99,975%: 100 tấn/năm;
- Tinh quặng đồng 22%: 679 tấn/năm;
- Chì 99,75%: 5.000 tấn/năm;
- Doanh thu bình quân: Tăng tối thiểu từ 5 %/năm;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: Cân đối để đảm bảo tỷ lệ cổ tức thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm thông qua;
- Quy mô lao động theo sản lượng nhưng không quá 1.300 lao động;
- Tỷ lệ cổ tức hàng năm: Không thấp hơn lãi xuất tiền gửi kỳ hạn bình quân 12 tháng của Ngân hàng Vietin Bank;
- Năng suất LĐ quy đổi tăng tối thiểu: 5%/năm;
- Thu nhập bình quân tăng tối thiểu: 5%/năm;
- Tổng giá trị đầu tư giai đoạn 2018-2020: 434 tỷ đồng.

IV. NỘI DUNG TÁI CƠ CẤU

1. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Thăm dò khai thác, chế biến khoáng sản kim loại màu, sản xuất kim loại màu, gồm kẽm, chì, đồng, thiếc;
- Chế biến sâu các sản phẩm từ kẽm kim loại, axit sunfuaric.

2. Niêm yết cổ phiếu

Giai đoạn 2018-2020 thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty (mã cổ phiếu TMG) trên sàn giao dịch chứng khoán để nâng cao hơn nữa trong việc công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, cổ đông.

3. Mô hình tổ chức và định biên lao động

Thực hiện chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kim loại màu Bắc Kạn – TMC thành chi nhánh của Công ty. Như vậy Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico chuyển sang hoạt động theo mô hình 01 cấp, gồm Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty.

3.1. Văn phòng công ty

a) Mô hình tổ chức: Giữ nguyên cơ cấu tổ chức gồm Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng và 9 phòng chức năng, gồm;

- Phòng kỹ thuật Mỏ: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 phó trưởng

phòng và các nhân viên nghiệp vụ

- Phòng kỹ thuật ATMT: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó phòng và các nhân viên phụ trách các lĩnh vực chuyên môn;

- Phòng kỹ thuật Cơ điện: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng kỹ thuật Luyện kim - KCS: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật;

- Phòng Kế hoạch Kinh tế: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng Tài chính Kế toán: Định biên lao động gồm Kế toán trưởng phụ trách phòng, 01 phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng Tổ chức Lao động: Sáp nhập bộ phận y tế của NM kèm vào bộ phận y tế thuộc phòng, về định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó Trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng Đầu tư Xây dựng: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó Trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Văn phòng Công ty: Định biên lao động gồm Chánh Văn phòng, 02 Phó chánh văn phòng và các nhân viên thừa hành nghiệp vụ, lái xe;

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Lao động quản lý của toàn Công ty nhỏ hơn 12%;

- Lao động phụ trợ nhỏ hơn 22%;

- Lao động công nghệ 66%.

3.2. Phân xưởng trực thuộc

- Phân xưởng luyện kim màu I: Thực hiện giải thể phân xưởng, chuyển nhượng tài sản trên đất và trả đất cho địa phương quản lý. Số lao động hiện nay chủ yếu là lực lượng bảo vệ, được bố trí về chi nhánh thiếc Đại Từ làm việc hoặc giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động (nếu có).

Thời gian thực hiện trong năm 2018 -2019.

- Phân xưởng luyện kim màu II: Đổi tên thành phân xưởng Luyện bột kẽm trực thuộc Văn phòng Công ty. Tổ chức bộ máy phân xưởng gồm: Quản đốc, 01 Phó Quản đốc, 02 kỹ thuật phân xưởng, 01 thủ kho kiêm thống kê, bộ phận bảo vệ, bộ phận nấu ăn, vệ sinh công nghiệp và lao động 03 ca sản xuất.

Thời gian thực hiện trong năm 2018.

3.3. Các chi nhánh Công ty

3.3.1. Chi nhánh kẽm chì Làng Hích - TMC

a) Chuyển Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích thành chi nhánh kẽm chì Làng Hích - TMC, đổi tên phòng Kế toán tổng hợp thành phòng Tổng hợp, thực hiện định biên, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với thực tế hoạt động. Đổi tên phòng Kế hoạch Vật tư thành phòng Kinh tế. Như vậy bộ máy hoạt động của chi nhánh kẽm chì Làng Hích, gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); 03 phòng chức năng (gồm: Phòng Kỹ thuật - An toàn Môi trường, Phòng Kinh tế, Phòng

Tổng hợp) và 04 Phân xưởng trực thuộc (gồm: Phân xưởng khai thác 1, Phân xưởng khai thác 2, Phân xưởng Cúc Đường và Phân xưởng Tuyển khoáng).

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Tỷ lệ lao động quản lý nhỏ hơn 10%;
- Tỷ lệ lao động phụ trợ nhỏ hơn 20%;
- Lao động công nghệ 70%.

c) Thời gian thực hiện: Trong năm 2018 -2019

3.3.2 Chi nhánh thiếc Đại từ - TMC

a) Chuyển Xí nghiệp thiếc Đại Từ thành Chi nhánh thiếc Đại từ - TMC. Cơ cấu lại tổ chức, bố trí lao động phù hợp với mô hình thực tế hoạt động sản xuất. Bộ máy hoạt động của Chi nhánh thiếc Đại từ như sau: Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó giám đốc); 03 phòng chức năng (gồm: Phòng Kỹ thuật - An toàn Môi trường, Phòng Kinh tế và Phòng Tổng hợp) và 02 Phân xưởng trực thuộc (gồm: Phân xưởng khai thác và Phân xưởng Tuyển khoáng).

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Tỷ lệ lao động quản lý nhỏ hơn 10%;
- Tỷ lệ lao động phụ trợ nhỏ hơn 20%;
- Lao động công nghệ 70%.

c) Thời gian thực hiện: Trong năm 2018 -2020

3.3.3. Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC

a) Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn thành Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC. Cơ cấu lại tổ chức, bố trí lao động phù hợp với mô hình thực tế hoạt động sản xuất.

b) Bộ máy hoạt động của Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn sau khi chuyển đổi mô hình tổ chức như sau:

Văn phòng chi nhánh, gồm: Ban Giám đốc chi nhánh (gồm: Giám đốc và 02 Phó giám đốc, Kế toán trưởng), 03 phòng nghiệp vụ và 05 phân xưởng sản xuất.

- 03 phòng chức năng gồm:

+ Phòng Tổ chức Hành chính đổi tên thành phòng Tổng hợp, định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

+ Hợp nhất Phòng Kế hoạch Đầu tư và phòng Kế toán Thống kê đổi tên thành phòng Kinh tế, định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

+ Phòng Kỹ thuật – ATMT giữ nguyên tên gọi, định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ.

- 05 phân xưởng sản xuất, gồm:

+ Phân xưởng Khai thác I: Tổ chức phân xưởng gồm bộ phận quản lý và công nhân kỹ thuật. Bộ phận quản lý phân xưởng, gồm: Quản đốc, 02 Phó Quản đốc, kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kinh tế phân xưởng;

+ Phân xưởng Khai thác II: Tổ chức phân xưởng gồm bộ phận quản lý và